

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO TÓM TẮT
TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2024 VÀ TRIỂN KHAI
NHIỆM VỤ NĂM 2025 CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phần thứ nhất

BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Năm 2024 được Chính phủ xác định là năm bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025, tạo động lực cho các năm tiếp theo để thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021-2025. Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược gay gắt; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã nhận định chính xác tình hình, quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra kịp thời, đúng hướng, hiệu quả; linh hoạt trong điều hành để hài hòa các mục tiêu trước mắt và lâu dài.

Bám sát chủ đề điều hành của Chính phủ **“Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững”**, xác định ý nghĩa then chốt của năm 2024 và để thực hiện Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09/11/2023 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, ngay từ đầu năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nỗ lực tập trung triển khai thực hiện tốt nội dung các Nghị quyết của Chính phủ, các chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ngành tài nguyên và môi trường thực hiện các Nghị quyết: số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ.

Toàn Ngành tài nguyên và môi trường đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động, linh hoạt trong triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật; kịp thời trong phản ứng chính sách để giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh có liên quan đến công tác quản lý nhà nước của Ngành. Trong đó, toàn Ngành đặt trọng tâm vào đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; tổ chức lập và triển khai thực hiện các quy hoạch; tiếp tục đề xuất các giải pháp, khơi thông các điểm nghẽn nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, phục vụ trực tiếp cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2024

1. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tiếp tục là điểm sáng, nổi bật của Ngành tài nguyên và môi trường

1.1. Tổ chức triển khai đầy đủ, nghiêm túc các chỉ đạo của Trung ương

Trên cơ sở xem xét Đề án của Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 04/6/2024 Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 81-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về “*Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”. Đây là cơ sở chính trị quan trọng, định hướng cho sự phát triển của Ngành tài nguyên và môi trường trong giai đoạn tới.

Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Trung ương về TN&MT từ đầu nhiệm kỳ đến nay. Trên cơ sở đó, Ban cán sự đảng Bộ đã kiến nghị, đề xuất một số định hướng, quan điểm về tài nguyên và môi trường (TN&MT); tại Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII (tháng 9/2024), khi thảo luận về các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, Trung ương đã thống nhất quan điểm chỉ đạo tiếp tục đổi mới, trong đó một trong 5 quan điểm được xác định là: “...*đẩy mạnh toàn diện đồng bộ công cuộc đổi mới lên một tầm cao mới, trong đó phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm...*”.

1.2. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Ngành tài nguyên và môi trường

Trong năm 2024, với sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của lãnh đạo Bộ, sự cố gắng, nỗ lực rất cao của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì và sự tham gia tích cực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trong toàn Ngành, Bộ đã tổ chức thực hiện và hoàn thành khối lượng công việc về xây dựng pháp luật rất lớn, yêu cầu về tiến độ rất cấp bách, cụ thể:

- Bộ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan tham mưu cho Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội thông qua: Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Luật¹, cho phép Luật đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành sớm hơn 05 tháng, kể từ ngày 01/8/2024; Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

Đồng thời, trong thời gian ngắn, Bộ đã tham mưu, xây dựng trình Chính phủ

¹ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

để trình Quốc hội thông qua 02 Nghị quyết rất khó và phức tạp về quản lý đất đai², đây là các văn bản rất quan trọng để thể chế hóa các quan điểm của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ về tháo gỡ các tồn tại, hạn chế, vướng mắc đối với các dự án sử dụng đất, khơi thông các điểm nghẽn, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, theo đúng tinh thần chỉ đạo về phòng, chống lãng phí của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm.

- Để bảo đảm triển khai thi hành đồng bộ các luật mới được Quốc hội thông qua, Bộ đã tích cực, khẩn trương chỉ đạo, tổ chức xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn chi tiết có hiệu lực thi hành đồng bộ cùng với Luật đất đai năm 2024, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

- Ngoài ra, với tinh thần cầu thị, luôn hướng về địa phương, cơ sở, Bộ đã chủ động cùng với các địa phương nắm bắt các vướng mắc trong thi hành pháp luật đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành các văn bản để tháo gỡ, với tinh thần phân cấp, phân quyền triệt để cho địa phương; đơn giản hóa TTHC.

Như vậy, trong năm 2024, Bộ đã hoàn thành việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành **15** văn bản (*gồm: 03 Luật, 02 Nghị quyết của Quốc hội, 09 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*); ban hành theo thẩm quyền **36** Thông tư.

- Tại các địa phương, cơ quan chuyên môn về TN&MT đã tham mưu, trình HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tạo lập hệ thống pháp luật về TN&MT ngày càng đồng bộ, thống nhất, đi vào cuộc sống³. Bộ đã đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật để kịp thời tổ chức triển khai các chính sách, pháp luật mới về tài nguyên và môi trường.

1.3. Hoàn thành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành, Bộ đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đầy đủ **08/08** quy hoạch cấp quốc gia; trong đó có những quy hoạch mang tính chất nền tảng (*Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch không gian biển quốc gia*). Qua đó tạo lập hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về TN&MT. Ngoài ra, Bộ đã hoàn thành, trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt **10/15** quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu công tác quản lý Nhà nước của Ngành

Bộ đã tích cực, chủ động, khẩn trương tổ chức thực hiện Kế hoạch của Ban Chỉ

² Gồm: (1) Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa; (2) Nghị quyết về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất.

³ Đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố đã ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2024 theo thẩm quyền của địa phương.

đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII; chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án hợp nhất hai Bộ, do Bộ trưởng hai Bộ làm đồng Trưởng ban.

Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường; phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các tổ chức hành chính thuộc Bộ; ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên Ngành tài nguyên và môi trường. Hệ thống các cơ quan chuyên môn về TN&MT ở địa phương tiếp tục được sắp xếp, củng cố, kiện toàn. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính; đơn giản hóa, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC

Năm 2024, Bộ tiếp tục quán triệt, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở TN&MT; gắn trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Trong quá trình xây dựng các VBQPPL⁴, Bộ đã thực hiện phân cấp triệt để, tối đa; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC; việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực TN&MT cơ bản được thực hiện ở địa phương, Bộ tập trung hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp, mang tính liên vùng, liên ngành.

Đẩy mạnh việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; tiếp tục triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, dịch vụ, ứng dụng Chính phủ điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành. Tiếp tục vận hành, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả 03 đường dây nóng để người dân và tổ chức, doanh nghiệp có thể thông tin trực tiếp hoặc gửi những phản ánh, kiến nghị đến Bộ về những tiêu cực, vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước về TN&MT và về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai.

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 của Bộ tiếp tục duy trì điểm số và thứ hạng cao, đạt **87,01/89,95 điểm, xếp thứ 5/17** Bộ, cơ quan ngang Bộ (tăng 1 bậc so với năm 2022). Chỉ số cải cách hành chính trong lĩnh vực TN&MT ở địa phương tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực.

3. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc từ thực tiễn; xử lý các yêu cầu về giám định và định giá tài sản phục vụ công tác tố tụng

Bộ đã chỉ đạo đổi mới toàn diện công tác thanh tra, kiểm tra từ xây dựng kế

⁴ Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

hoạch đến tổ chức thực hiện; tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động của các đoàn thanh tra đúng quy định, bảo đảm mọi hoạt động được công khai, minh bạch, không để phát sinh các hành vi nhũng nhiễu, vòi vĩnh đối với người dân và doanh nghiệp.

Trong năm 2024, Bộ đã ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024⁵ bám sát định hướng của Thanh tra Chính phủ và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước của Bộ, đã tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra năm 2024 của Ngành tài nguyên và môi trường đến cán bộ cấp xã⁶. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết các kiến nghị của nhân dân; quan tâm giải quyết đối với các vụ việc mới phát sinh, đảm bảo ổn định trật tự, chính trị, xã hội ở các địa phương. Trong quá trình giải quyết, luôn chú trọng công tác đối thoại, hòa giải và tuyên truyền chính sách pháp luật để công dân hiểu và tự nguyện rút đơn khiếu nại, do đó số vụ việc đã đình chỉ giải quyết khiếu nại lên tới 58% số vụ việc đã giải quyết thuộc thẩm quyền.

Thực hiện tiếp nhận và thực hiện trung cầu giám định tư pháp từ cơ quan trung cầu giám định các cấp.

4. Tích cực, chủ động, thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại, tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác, đón đầu các cơ hội từ xu thế phát triển

Trong năm 2024, Bộ đã tổ chức nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng⁷. Chủ động thúc đẩy đàm phán, thúc đẩy ký kết các thỏa thuận hợp tác về tài nguyên, môi trường và khí hậu, đặc biệt là Nhóm các đối tác phát triển về việc thành lập Ban thư ký thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP), thúc đẩy hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng, công lý tại Việt Nam, đón đầu các cơ hội hợp tác khai thác tiềm năng lợi thế về tài nguyên gió, thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển các ngành kinh tế dựa vào hệ sinh thái, giảm phát thải khí nhà kính.

5. Công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Ngành

Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ của Bộ được tập trung triển khai có trọng tâm, trọng điểm nhằm xây dựng cơ sở khoa học hoàn thiện các chính sách để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nghiên cứu ứng dụng trong điều tra cơ bản, quy hoạch, phát triển công nghệ, chuyển đổi số trong Ngành tài nguyên và môi trường. Với đặc điểm của Ngành tài nguyên và môi trường là ngành kinh tế - kỹ thuật chuyên sâu nên việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Bộ quan tâm, chỉ đạo xây dựng.

⁵ Quyết định số 4270/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 về việc Phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2024 của Bộ; Quyết định số 4271/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 về việc Phê duyệt kế hoạch kiểm tra năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Bộ.

⁶ Với khoảng 1300 đại biểu đại diện: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ, lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁷ Hội đàm giữa Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với Bộ trưởng Bộ Hạ tầng và Quản lý nước Hà Lan; Hội nghị Bộ trưởng Môi trường Việt Nam - Hàn Quốc; Đối thoại chính sách Việt Nam - Nhật Bản. Bộ trưởng tham gia Đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ tham dự Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 44-45 tại Lào; làm việc song phương với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lào.

Các cơ sở đào tạo của Bộ đã thực hiện đổi mới mạnh mẽ công tác: xây dựng đội ngũ, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, xây dựng cơ sở vật chất,...

6. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

6.1. Phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai

Tham mưu trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025. Tham mưu trình Chính phủ đề trình Quốc hội phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Qua 03 năm thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia được cụ thể hóa bằng các quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh, quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, đã phát huy hiệu quả tích cực, là căn cứ để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, công nhận quyền sử dụng đất, góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các địa phương và của cả nước.

Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024” và ban hành Chỉ thị về việc Kiểm kê đất đai năm 2024. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Kiểm tra hoạt động tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với những trường hợp có biểu hiện bất thường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức Hội nghị với các địa phương về triển khai điều chỉnh Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024.

6.2. Hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật về tài nguyên nước. Tập trung triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh tài nguyên nước

Tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng đề án thí điểm phục hồi “các dòng sông chết”. Tiếp tục thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025 theo kế hoạch.

Thực hiện theo dõi, giám sát việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ của 134 hồ chứa, đập dâng lớn quan trọng trên 11 lưu vực sông, đặc biệt là trong thời gian xảy ra cơn bão số 3 (YAGI), quy trình liên hồ đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm cắt, giảm lũ cho hạ du trên lưu vực và giảm thiểu ảnh hưởng do mưa lũ đến hạ du.

Đến nay 100% hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên phạm vi cả nước đã được

kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày. Chỉ đạo các địa phương ban hành danh mục hồ, ao không được san lấp, lấn chiếm nhằm giảm thiểu ngập úng các đô thị.

Công bố kịch bản nguồn nước trên 02 lưu vực sông lớn quan trọng là sông Hồng - Thái Bình và sông Cửu Long, làm căn cứ để các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước.

6.3. Phát huy vai trò nguồn lực khoáng sản, đáp ứng nguồn cung về nguyên vật liệu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược

Bộ đã phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai các Đề án: “Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng đồng bằng sông Cửu Long”; “Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng”;

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhất là đối với công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng. Thực hiện phê duyệt theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn các địa phương.

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các địa phương khu vực Đồng bằng sông Cửu Long phân bổ, điều phối nguồn cát đắp cho các dự án trong khu vực đáp ứng tiến độ thi công và hoàn thành các dự án.

6.4. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển

Phối hợp các đơn vị liên quan thúc đẩy tiến độ các nội dung và dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030.

Việc giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng, triển khai, thực hiện dự án đầu tư trên biển được thực hiện theo quy định của pháp luật, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển của Việt Nam.

Hướng dẫn các địa phương trong quá trình thiết lập, xác định danh mục, xác định chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển. Phối hợp với Văn phòng Nội các Nhật bản tổ chức Diễn đàn đối thoại chính sách kinh tế biển Việt Nam - Nhật Bản tại Nhật Bản.

7. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây nguy cơ ô nhiễm; triển khai quyết liệt các giải pháp bảo vệ môi trường nước, không khí, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Bộ đã nghiêm túc quán triệt tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và cắt giảm mạnh mẽ TTHC về môi trường. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về môi

trường phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về BVMT, trong đó có nhiều nhóm quy chuẩn môi trường mới.

Quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia đã thể hiện quan điểm, định hướng của Bộ trong gian đoạn tới là chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học.

Chủ động kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; theo dõi, giám sát, nắm bắt đầy đủ, kịp thời diễn biến các vấn đề môi trường, công tác bảo vệ môi trường của các đối tượng thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Duy trì phương thức phối kết hợp giữa Trung ương, địa phương trong kiểm soát, giám sát, giải quyết các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, các vấn đề môi trường phát sinh; duy trì vận hành thường xuyên Đường dây nóng về ô nhiễm môi trường phản ánh về ô nhiễm môi trường trên cả nước.

Tăng cường quan trắc môi trường và đa dạng sinh học, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo về chất lượng môi trường, cung cấp thông tin về môi trường phục vụ tốt cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ về quản lý chất thải, từng bước thực hiện tái chế, tái sử dụng rác thải thay cho chôn lấp, giảm thiểu rác thải nhựa. Công tác quản lý CTRSH được các cấp, các ngành và toàn xã hội hết sức quan tâm; đặc biệt Bộ đã ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt⁸. Chỉ đạo toàn ngành thực hiện quản lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại (CTNH) thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguồn phát sinh, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý. Chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường, khắc phục hậu quả Con bão số 03 và mưa lũ sau bão. Tập trung triển khai các giải pháp cải thiện chất lượng môi trường (đất, nước, không khí...); từng bước khôi phục môi trường các lưu vực sông; cải thiện chất lượng môi trường không khí ở đô thị lớn.

Công tác bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được đẩy mạnh. Số lượng các khu bảo tồn, khu dự trữ sinh quyển, các khu bảo tồn có danh hiệu quốc tế, khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế ở nước ta tiếp tục gia tăng.

8. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo kịp thời, chính xác các hiện tượng thời tiết cực đoan

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình khí tượng thủy văn (*sau đây viết tắt là KTTV*) trên phạm vi cả nước, cảnh báo

⁸ Các Thông tư: số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024; số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng để phục vụ công tác chỉ đạo phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, đặc biệt là Con bão số 3 (có tên quốc tế là YAGI).

Đến nay, hạ tầng, công nghệ phục vụ công tác dự báo, cảnh báo KTTV không ngừng được đầu tư, hiện đại hóa; tăng cường năng lực, đổi mới hệ thống xử lý, lưu trữ, truyền tin phục vụ dự báo KTTV. Độ tin cậy trong các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai (áp thấp nhiệt đới, bão, lũ...) ngày càng tăng lên; công nghệ dự báo KTTV nằm trong nhóm các nước dẫn đầu Đông Nam Á và dần tiếp cận trình độ các nước tiên tiến ở châu Á.

9. Triển khai các chủ trương, giải pháp chuyển đổi xanh, giảm phát thải, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Bộ đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định; Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật). Bộ đã phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát năm 2024 cho các tổ chức.

Tham mưu tổ chức Phiên họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo COP26 do Thủ tướng Chính phủ chủ trì; triển khai thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 về triển khai Tuyên bố chính trị, thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Tích cực phối hợp hoàn thiện Tuyên bố chung Cộng đồng phát thải ròng bằng “0” Châu Á (AZEC). Tổ chức Đoàn công tác của Việt Nam tham dự Hội nghị COP29 tại Cộng hòa Azerbaijan.

Tích cực tham gia phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện Đề án thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam; tham gia phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Đề án phát triển bền vững 1 triệu héc-ta lúa chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải; phối hợp với Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về các nội dung liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính và tạo tín chỉ các-bon.

10. Thực hiện nhiệm vụ quản lý biên giới, địa giới; tập trung hiện đại hóa công tác quản lý dữ liệu thông tin địa lý quốc gia

Bộ trưởng đã ban hành “*Danh mục địa danh các đảo, đá, bãi cạn, bãi ngầm và một số đối tượng địa lý khác trên vùng biển Việt Nam*”, là cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng khẳng định chủ quyền biển, đảo của tổ quốc. Phối hợp với Bộ Nội vụ tham gia kiểm tra, khảo sát, thẩm định các Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã. Quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia an toàn, đảm bảo cung cấp dữ liệu nền địa lý, bản đồ địa hình quốc gia các tỷ lệ. Quản lý, vận hành hệ thống 65 trạm định vị vệ tinh quốc gia an toàn, liên tục và hiệu quả. Phối hợp Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành có liên quan đàm phán, khảo sát chung giữa Việt Nam - Trung Quốc khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc bộ.

11. Ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ quản lý, giám sát TN&MT

Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, phát triển nông nghiệp, quản lý, giám sát nguồn nước xuyên biên giới, giám sát về môi trường biến động diện tích đất rừng, biển, hải đảo, các khu vực có nguy cơ sạt lở, giám sát khai thác mỏ trái phép. Thực hiện theo dõi và cập nhật định kỳ việc thu nhận ảnh VNREDSat-1 tại Đài Viễn thám trung ương.

Cung cấp dữ liệu viễn thám quang học độ phân giải cao (VNREDSat-1, SPOT 6/7) phủ trùm lãnh thổ Việt Nam đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh cho các Bộ ngành và địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong năm 2024, bám sát chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn Ngành đã rất nỗ lực, quyết liệt trong giải quyết công việc, bảo đảm các hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, của Ngành được nhịp nhàng, thông suốt, đặc biệt trong bối cảnh Bộ có sự thay đổi, chuyển giao lãnh đạo. Nhiều kết quả quan trọng đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước ghi nhận và Nhân dân đánh giá cao, trong đó nổi bật là:

(1) Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tiếp tục được tập trung thực hiện, qua đó tạo lập hệ thống pháp luật về TN&MT ngày càng đồng bộ, thống nhất. Công tác cải cách TTHC được thực hiện mạnh mẽ, thực chất, rút ngắn thời gian thực hiện cả ở Trung ương và địa phương.

(2) Toàn Ngành đã chủ động đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp để đảm bảo các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế như đất đai, sản xuất, tài nguyên nước, thông tin, số liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại của đất nước.

(3) Hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của chính quyền các cấp, doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhận thức của người dân đối với các vấn đề về môi trường và ý thức bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao.

(4) Tích cực, chủ động triển khai đồng bộ các chiến lược, kế hoạch về ứng phó biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng công bằng. Làm tốt công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan, diễn biến tình hình KTTV trên phạm vi cả nước, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các giải pháp ứng phó; nhất là cơn bão số 3, có cường độ và phạm vi ảnh hưởng rất lớn trong nhiều năm trở lại đây.

(5) Thực hiện có hiệu quả phương châm hướng về địa phương, cơ sở để giải quyết kịp thời các vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Tăng cường sự phối hợp, huy động sự vào cuộc, tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(6) Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu trong Ngành tài nguyên và môi

trường tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế và thách thức

Bên cạnh các kết quả tích cực đã đạt được, toàn Ngành tài nguyên và môi trường vẫn đang tiếp tục khắc phục những tồn tại, hạn chế và các thách thức chủ yếu sau:

(1) Một số quy định của pháp luật về thích ứng với BĐKH, quản lý tài nguyên, BVMT chưa theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn. Một số tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đặc biệt là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất thải còn chậm được ban hành; việc tổ chức thực thi pháp luật trong nhiều trường hợp vẫn còn hạn chế.

(2) Việc xây dựng hệ thống CSDL tổng hợp và thống nhất về tài nguyên, môi trường và BĐKH chưa hoàn thành; hệ thống CSDL của một số lĩnh vực đang được xây dựng và quản lý phân tán; chưa có sự liên kết, tích hợp hoặc chưa có sự kết nối, chia sẻ từ trung ương đến địa phương và đến từng đối tượng quản lý để quản lý đồng bộ, thống nhất.

(3) Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ cho các địa phương còn thấp. Tình trạng lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên còn tồn tại. Tiềm năng về kinh tế biển chưa được phát huy đầy đủ. Khiếu kiện liên quan đến đất đai có xu hướng giảm so với trước đây nhưng tỷ lệ còn cao.

(4) Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu phải thực hiện các cam kết về môi trường do đó cần có lộ trình để nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Tốc độ đô thị hóa và mở rộng các hoạt động sản xuất nhanh đi kèm theo sự gia tăng của các nguồn gây ô nhiễm sẽ tạo áp lực rất lớn lên môi trường. Tình trạng vi phạm quy định về bảo vệ môi trường vẫn diễn ra phổ biến với tính chất và mức độ rất phức tạp.

(5) Các cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu được cộng đồng quốc tế đánh giá cao nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn đối với Ngành tài nguyên và môi trường trong thời gian tới, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, huy động hỗ trợ của quốc tế về nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản trị.

(6) An ninh nguồn nước đang trở thành vấn đề lớn trong bối cảnh phân lớn các hệ thống sông lớn của Việt Nam đều là các sông xuyên biên giới mà Việt Nam là quốc gia ở hạ nguồn. Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai, ô nhiễm nguồn nước sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

(7) Nguồn lực (gồm cả nhân lực và vật lực) thực hiện công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ở địa phương còn chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với nhiều ngày lễ lớn của quốc gia và dân tộc. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Ở trong nước, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản, vừa phải "tăng tốc, bứt phá", tập trung phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KTXH của cả nhiệm kỳ 2021 - 2025; vừa phải thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Trong bối cảnh đó Ngành tài nguyên và môi trường đặt mục tiêu hoàn thành toàn bộ các mục tiêu, nhiệm vụ đã đặt ra từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2025 với tinh thần: ***“Mục tiêu, nhiệm vụ nào chưa hoàn thành thì phải hoàn thành; mục tiêu, nhiệm vụ nào đã hoàn thành rồi thì phải tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả”***.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

2. Tập trung chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng giữa các chính sách. Bám sát tình hình thực tiễn, kịp thời ứng phó với những vấn đề cấp bách phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn.

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chấn chỉnh tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Chính sách, pháp luật được hoàn thiện, bao quát toàn diện các lĩnh vực của Ngành; tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn tinh gọn, hoạt động hiệu quả; chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về TN&MT được đẩy mạnh, phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước của Bộ và các địa phương; các nguồn lực tài nguyên được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững; chất lượng môi trường được cải thiện, kiểm soát tốt các nguồn gây ô nhiễm; chủ động, linh hoạt trong huy động các nguồn lực ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo chính xác, kịp thời tình hình khí tượng và các hiện tượng thời tiết cực đoan để chủ động phòng, chống, ứng phó.

b) Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể

Trong năm 2025, toàn Ngành tài nguyên và môi trường phấn đấu hoàn thành các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể:

(i) Hoàn thành kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của Ngành tài nguyên và môi trường theo định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

(ii) Hệ thống chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường được tổ chức thực thi đồng bộ, đầy đủ, toàn diện, thông suốt từ Trung ương đến địa phương.

(iii) Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu để kết nối với hệ thống thông tin đất đai theo mục tiêu đã được nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW vào năm 2025.

(iv) Cải thiện các chỉ số thành phần môi trường: trên 92% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường; 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị, 80% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn; 30 - 40% chất thải rắn sinh hoạt được xử lý kết hợp thu hồi năng lượng.

(v) Hoàn thành 80% diện tích lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Tây Bắc, Trung Trung Bộ.

(vi) Hoàn thành từ 90-100% các hồ chứa lớn, quan trọng hoàn thành việc cấm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước; hoàn thành xây dựng kịch bản nguồn nước trên 8 lưu vực sông đã có quy hoạch tổng hợp, để công bố kịch bản nguồn nước vào đầu năm 2025.

(vii) Tự động hóa 65% số trạm quan trắc khí tượng thủy văn để từng bước hình thành mạng lưới quan trắc KTTV hiện đại và tự động hoàn toàn, kết nối, chia sẻ số liệu với các nước trong khu vực, trên thế giới; 100% thiên tai bão, lũ, được giám sát, dự báo, cảnh báo kịp thời, đủ độ tin cậy; hình thành mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn kết nối trong lưu vực sông Mê Công; tăng cường năng lực giám sát môi trường, khí tượng thủy văn.

(viii) Đạt 39% diện tích vùng biển được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000; 75% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản ở tỷ lệ 1:50.000.

(ix) Bảo đảm 100% các trạm định vị vệ tinh quốc gia hoạt động liên tục.

2. Các giải pháp đột phá

(1) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, minh bạch; tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn trong quy định của pháp luật, xây dựng hệ thống quy hoạch đồng bộ để giải phóng, phát huy các nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội.

(2) Tập trung nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin đất đai

(MPLIS), số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và các cơ sở dữ liệu quan trọng, cấp bách tạo nền tảng phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

(3) Tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, đặc biệt là xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề; cải tạo, phục hồi các lưu vực sông, hồ chứa, công trình thủy lợi bị ô nhiễm nghiêm trọng. Xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; đẩy mạnh xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp; giảm thiểu rác thải nhựa. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

1. Các nhiệm vụ chung

1.1. Tổ chức thực hiện quyết liệt, mạnh mẽ việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ và các cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường tại địa phương theo định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW bảo đảm tiến độ, mục tiêu theo yêu cầu.

1.2. Tập trung hoàn thiện thể chế tạo đột phá thúc đẩy giải phóng nguồn lực tài nguyên, phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững, trong đó:

- Triển khai đồng bộ, đầy đủ, toàn diện các quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, các quy định mới sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Hoàn thành, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và kịp thời có hiệu lực đồng thời với Luật.

- Đề xuất sửa đổi Luật Khí tượng Thủy văn năm 2015; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; Luật Đa dạng sinh học năm 2008; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.3. Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của Chính phủ, các địa phương, Bộ, ngành. Ưu tiên xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin đất đai tập trung, thống nhất, đa mục tiêu.

1.4. Tổ chức thực hiện tốt các đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; giao chỉ tiêu, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân trong kế hoạch hành động của Ngành thực hiện các Nghị quyết: số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP của Chính phủ.

1.5. Xác định sớm nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra để hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2025 để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo giữa Trung ương và địa phương. Thực hiện tốt công tác tiếp công

dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ.

1.6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tạo lập hành lang pháp lý, cơ sở dữ liệu để thực hiện cung cấp dịch vụ công nhất là trong lĩnh vực đất đai cho người dân.

1.7. Tăng cường chủ động hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế; tham gia tích cực vào các nỗ lực chung toàn cầu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tham gia các sáng kiến quốc tế và khu vực về tài nguyên và môi trường.

1.8. Phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyên gia khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao; tăng cường hình thức đặt hàng của các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, giải quyết các vấn đề mới đặt ra với Ngành.

1.9. Tăng cường công tác truyền thông để nâng cao ý thức trách nhiệm của từng người dân, tổ chức, tạo sự chuyển biến của toàn xã hội trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành

2.1. Lĩnh vực quản lý đất đai

Tổ chức thực hiện “Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030 cấp quốc gia”. Hoàn thành Chiến lược sử dụng đất cấp quốc gia có tầm nhìn dài hạn đến năm 2045. Chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án theo quy định.

Tham mưu tổ chức triển khai có hiệu quả Kết luận số 77-KL/TW của Bộ Chính trị về Đề án kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố.

2.2. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước

Tập trung xây dựng, hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông. Tiếp tục thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia. Công bố Kịch bản nguồn nước trên 6/8 lưu vực sông còn lại.

Nghiên cứu thí điểm việc quản trị tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trên các lưu vực sông. Tăng cường giám sát, chỉ đạo việc vận hành các hồ chứa lớn; khẩn trương nghiên cứu xây dựng hoàn thiện các quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực bảo đảm an toàn công trình hạ du, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước cho các mục đích sử dụng.

Khẩn trương triển khai các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông đã được phê duyệt; các chương trình, đề án phục hồi nguồn nước theo hướng xã hội hóa. Tăng

cường tìm kiếm, thăm dò, khai thác nước để cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân ở các vùng khan hiếm nước ngọt.

Triển khai thực hiện Đề án “Đánh giá tổng thể tác động và giải pháp ứng phó đối với việc các nước phát triển thủy điện trên dòng chính, chuyển nước sông Mê Công”. Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước ở các lưu vực sông xuyên biên giới, đặc biệt là sông Hồng và sông Mê Công.

2.3. Lĩnh vực địa chất, khoáng sản

Tổ chức xây dựng các Đề án: Đề án “Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng đồng bằng sông Cửu Long”; “Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng”.

Tiếp tục triển khai Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ về thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về khoáng sản. Triển khai kế hoạch kiểm tra hoạt động khoáng sản, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản. Lập Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản.

2.4. Lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển, hải đảo

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Tổ chức, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh. Khảo sát đánh giá tài nguyên biển ở một số khu vực trọng điểm, tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi thu hút các nguồn vốn, công nghệ, để khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo, phát triển các ngành kinh tế biển.

2.5. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

Triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường. Kiểm soát chặt chẽ về môi trường và hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu chủ đầu tư các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tổ chức thực hiện hiệu quả các quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc phân loại chất thải rắn tại nguồn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trên địa bàn quản lý. Đôn đốc các địa phương triển khai các giải

pháp cụ thể, đầu tư hạ tầng về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Tăng cường giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, thu gom và xử lý chất thải nhựa. Đề xuất chính sách kiểm soát ô nhiễm vi nhựa tại Việt Nam. Triển khai có hiệu quả Chương trình đôi tác hành động quốc gia về chất thải nhựa. Tổ chức thực hiện hiệu lực, hiệu quả các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ (EPR).

Triển khai xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng không khí giai đoạn 2026 - 2031. Tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc chất lượng không khí, thực hiện kiểm soát chặt chẽ về chất lượng trong quan trắc môi trường không khí. Tổ chức thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt và xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với một số lưu vực sông liên tỉnh. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông, đặc biệt là Hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải sau khi được phê duyệt.

Củng cố, tăng cường hệ thống di sản thiên nhiên, trong đó ưu tiên tăng cường năng lực và nguồn lực cho quản lý và BVMT các di sản thiên nhiên; thành lập mới, đề xuất các tổ chức quốc tế công nhận danh hiệu cho các di sản thiên nhiên.

2.6. Lĩnh vực khí tượng thủy văn

Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật KTTV để thực thi hiệu quả Luật KTTV. Làm tốt công tác dự báo KTTV, cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai..

Triển khai thực hiện Đề án “Cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam”; nghiên cứu, đề xuất Chính phủ phê duyệt “Chương trình tổng thể về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng trung du và miền núi phía Bắc”.

2.7. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

Chủ động tham mưu các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính các cấp, các giải pháp đẩy mạnh thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn.

Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành về ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; tham mưu thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26... Xây dựng NDC lần thứ hai của Việt Nam cho giai đoạn 2025 - 2035 (NDC 3.0).

2.8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý

Hoàn chỉnh Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia Việt Nam; xây dựng bộ bản đồ chuẩn và cơ sở dữ liệu bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Lào; xây dựng các điểm mốc cơ sở theo đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hệ độ cao quốc gia. Bổ sung, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia ở các tỷ lệ hiện đại đồng bộ, thống nhất trong cả nước trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam.

2.9. Lĩnh vực viễn thám

Tiếp tục theo dõi, cung cấp thường xuyên, đột xuất thông tin về tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ các lĩnh vực của Ngành;. Thường xuyên giám sát biến động nguồn nước, giám sát các biến động khu vực biên giới quốc gia: Sử dụng công nghệ viễn thám theo dõi, giám sát biến động sử dụng đất, dân cư, xây dựng các nhà máy thủy điện, đập thủy lợi đầu nguồn và các hoạt động khác trên khu vực biên giới đất liền; Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường không khí, nước từ các nguồn xuyên biên giới./.